Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 04.07.2019 15:03:01 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do - Hạnh phúc
Số: 252 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 03 tháng 7 năm 2019*

BÁO CÁO
Tổng kết 5 năm thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 về chương trình hỗ trợ phát triển Hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 và xây dựng chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Công văn 2531/BKHĐT-HTX ngày 19/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021–2025, UBND tỉnh Tây Ninh báo cáo như sau:

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2015-2020

I. CÔNG TÁC BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2015-2020 (Phụ lục 1)

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2015-2020

1. Về thực hiện mục tiêu chung

Phát triển kinh tế tập thể nòng cốt là HTX gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng phát triển cộng đồng, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt là đối với nông nghiệp và nông thôn.

Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển số lượng HTX, liên hiệp HTX, THT mới thành lập trên địa bàn tỉnh. Đồng thời tạo môi trường thuận lợi nhằm tác động trực tiếp vào sản xuất, kinh doanh của kinh tế thành viên; tăng cường tính tự chủ, khai thác tối đa tiềm lực, lợi thế sẵn có của các thành phần kinh tế tập thể, nâng cao vai trò của kinh tế tập thể trong sự phát triển chung của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; tăng cường năng lực cạnh tranh của kinh tế tập thể trong điều kiện kinh tế thị trường; góp phần ổn định kinh tế, chính trị, xã hội của tỉnh.

2. Về thực hiện mục tiêu giai đoạn 2015-2020

Thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020, Tây Ninh đã vận động thành lập mới 67 HTX đồng thời giải thể 39 HTX hoạt động không hiệu quả, sai Luật HTX năm 2012.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã thông qua tăng cường năng lực tổ chức, điều hành, hoạt động, kinh doanh cho các hợp tác xã, hằng năm, tỉnh đều bố trí kinh phí cho công tác đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý hợp tác xã, cán bộ làm công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, cán bộ của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội. Tính đến nay, tổng số cán bộ quản lý HTX là 604 người, tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã đã qua đào tạo: sơ cấp, trung cấp đạt 26,3% và cao đẳng – đại học đạt 23,55%. Nhìn chung, bộ máy tổ chức và công tác quản lý, tổ chức hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh hoạt động đúng theo quy định của pháp luật. Các Quỹ tín dụng Nhân dân có hội đồng quản trị, ban điều hành, ban kiểm soát và bộ phận nghiệp vụ; các hợp tác xã có ban chủ nhiệm và ban kiểm soát; tổ hợp tác có tổ trưởng và các tổ viên. Chất lượng hoạt động của các HTX ngày càng được nâng lên, nhiều hợp tác xã đã tích cực huy động và tích lũy vốn mở rộng sản xuất, phát triển thêm các dịch vụ hỗ trợ cho thành viên sản xuất và tham gia thị trường.

Bên cạnh đó, việc nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX còn được quan tâm thực hiện bằng các chương trình xúc tiến thương mại được xây dựng hằng năm. Theo đó, các HTX được tạo điều kiện để học tập kinh nghiệm, tham gia giới thiệu sản phẩm đặc sản của địa phương tại các tỉnh bạn, đẩy mạnh hoạt động kết nối, mở rộng thị trường tiêu thụ cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, tổ liên kết sản xuất. Các HTX còn được hướng dẫn và đăng ký danh sách tham gia Chương trình bảo hộ thương hiệu và quảng bá các sản phẩm nông nghiệp và ngành nghề nông thôn của tỉnh.

3. Tổng kết, đánh giá thực hiện các nội dung của Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ

3.1. Về hỗ trợ chung đối với các hợp tác xã

a) Về bồi dưỡng nguồn nhân lực.

Giai đoạn 2016 – 2019 đã đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho hơn 18.000 lượt cán bộ quản lý nhà nước, đoàn thể, thành viên hợp tác xã và tổ hợp tác, với tổng kinh phí thực hiện 6,9 tỷ đồng.

Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kế hoạch thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp Đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn tại HTX giai đoạn 2019-2020, ước tổng kinh phí là 949 triệu đồng.

b) Về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Giai đoạn 2015-2019, toàn tỉnh đã có 75 lượt HTX được hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường với tổng số tiền 750 triệu đồng. Các hợp tác xã được hỗ trợ tham gia hội chợ giới thiệu sản phẩm, tham quan học tập các hợp tác xã điển hình tiên tiến tỉnh bạn; hỗ trợ xây dựng thương hiệu "Mãng cầu Bà Đen", "Muối ớt Tây Ninh", "Bánh tráng Trảng Bàng"…

Thực hiện tốt việc đẩy mạnh hoạt động kết nối, mở rộng thị trường tiêu thụ cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, tổ liên kết sản xuất được thành lập, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh hướng dẫn các cấp Hội thực hiện hoạt động phù hợp điều kiện địa phương với nhiều hình thức thiết thực như: kết nối sản phẩm của hợp tác xã, các tổ hợp tác, tổ liên kết sản xuất với các tổ/dịch vụ nấu ăn trong và ngoài địa phương, với các tiểu thương tại các chợ, các đầu mối tiêu thụ nông sản,... Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ liên kết sản xuất, các tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ tham gia quản lý, đưa sản phẩm đến gần người tiêu dùng, phát huy được sản phẩm thế mạnh, chất lượng của địa phương, của tổ, đem lại thu nhập ổn định cho các thành viên tham gia.

Ngoài ra, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Hỗ trợ HTX giống cây trồng và DVNN Bàu Đồn xúc tiến thương mại với công ty CP Giống cây trồng Ninh Bình và công ty phân bón Bình Điền, hỗ trợ HTX Xoài tứ quý Thạnh Bắc, huyện Tân Biên chuyên mục phát sóng trên truyền hình, hỗ trợ HTX DV thuỷ lợi nông nghiệp sản xuất rau an toàn Lộc Khê tham gia phiên chợ "Địa chỉ xanh, sản phẩm sạch của HTX nông nghiệp" tại thành phố HCM;

+ Hỗ trợ HTX DVNN và sản xuất lúa chất lượng cao Việt Hàn, xã An Thạnh huyện Bến Cầu thực hiện chuyên mục truyền hình "Xây dựng mô hình HTX gắn với cánh đồng lớn"; hỗ trợ HTX Xoài tứ quý Thạnh Bắc, huyện Tân Biên tham gia Hội chợ nông sản tại thành phố Hà Nội;

+ Phối hợp các sở ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tuyên tuyền, vận động các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân tham gia Hội chợ - Triển lãm Giống và Nông nghiệp công nghệ cao năm 2018 tại Thành phố Hồ Chí Minh và Lễ hội lúa gạo và Triển lãm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng đồng bằng sông Cửu Long lần thứ I tại tỉnh Long An;

+ Phối hợp các cơ quan, đơn vị, Trung tâm Xúc tiến thương mại xây dựng Kế hoạch tổ chức tham gia Hội chợ quốc tế về Công nghệ thực phẩm FoodExpo 2018 tại TP.HCM vào ngày 14/11-17/11/2018;

+ Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại năm 2018 nhằm tạo điều kiện giúp HTX học tập kinh nghiệm và tham gia giới

thiệu sản phẩm đặc sản của địa phương tại các tỉnh bạn; đã tổ chức cho các HTX tham gia "Chương trình kết nói tiêu thụ hàng hoá và đặc sản vùng miền thông qua hệ thống chợ (PMAX 2018)-Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây", tham gia hội chợ xúc tiến thương mại năm 2018 tại Hà Nội; tổ chức 03 đoàn tham gia hội chợ kết nối cung cầu tại chợ đầu mối Dầu Giây. Hội chợ xúc tiến thương mại tại thành phố Hồ Chí Minh, Hội chợ xúc tiến thương mại hàng nông sản HTX, LHHTX tại Hà Nội và 02 đoàn học tập kinh nghiệm, tìm kiếm thị trường tại các tỉnh Đồng Tháp và Cần Thơ.

c) Về ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới

Nhằm tạo điều kiện cho các hợp tác xã trong việc sử dụng, khai thác nhãn hiệu hàng hóa và chỉ dẫn địa lý, UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn tham mưu mức hỗ trợ là 100% cho các tổ hợp tác, hợp tác xã đăng ký lại chứng nhận VietGap cho các sản phẩm rau an toàn của tổ hợp tác, hợp tác xã rau trên địa bàn tỉnh. Đã hỗ trợ tập huấn, đào tạo cho 04 hợp tác xã xây dựng các chuỗi giá trị hỗ trợ máy móc thiết bị và hỗ trợ cho 01 hợp tác xã xây dựng mô hình với số tiền 150 triệu đồng từ nguồn vốn hỗ trợ xây dựng mô hình hợp tác xã liên kết chuỗi giá trị hàng hóa chủ lực ở địa phương của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Trong 5 năm qua công tác chuyển giao các ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã hỗ trợ thiết thực cho các HTX, THT, đồng thời là cơ sở để các tổ chức kinh tế hợp tác lĩnh vực nông nghiệp tiến hành xây dựng, tổ chức phát triển sản xuất và góp phần vào chuỗi giá trị nâng cao năng suất, sản lượng, giá thành nông sản. Cụ thể, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ:

+ Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh triển khai thực hiện đề tài *"Đánh giá thực trạng, nghiên cứu định hướng và xây dựng giải pháp phát triển các loại hình hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2010-2015"* kết quả đã chỉ ra được những mặt mạnh, yếu, cơ hội và trở ngại của xã viên, hợp tác xã trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, giúp các nhà hoạch định chính sách, lãnh đạo các sở, ban, ngành, xã viên, HTX nhận diện đầy đủ về HTX và cho phép đưa ra các giải pháp sát thực tế và có khả năng thực thi, góp phần nâng cao thu nhập cho xã viên, HTX đạt mức cao hơn so với mức bình quân chung của người sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

+ Phối hợp phòng Kinh tế và Hạ tầng Châu Thành chuyển giao mô hình "*Ủ phân hữu cơ sinh học*" cho HTX dịch vụ nông nghiệp Hùng Hậu, ấp Hiệp Phước, xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành; ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có tạo ra phân hữu cơ sinh học có chứa các nguyên tố sẽ hạn chế một số nấm bệnh gây hại trên cây trồng, tăng năng suất cây trồng và giảm lượng phân khoáng cần bón ...

+ Xây dựng một quy trình thu hoạch, xử lý, bảo quản quả mãng cầu ta và sổ tay hướng dẫn chuyển giao đến các tổ hợp và Hợp tác xã có hộ sản xuất, kinh doanh mãng cầu trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng sổ tay hướng dẫn "Quy trình sản xuất mãng cầu ta theo tiêu chuẩn VietGAP tại xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh", chuyển giao đến các hộ sản xuất mãng cầu.

+ Triển khai 3 lớp tập huấn (40 người/lớp) về các biện pháp xử lý mãng cầu ta và tồn trữ mãng cầu cho người sản xuất, HTX, THT, thương lái và người tiêu dùng tại xã Suối đá, huyện Dương Minh Châu.

+ Xây dựng một quy trình thu hoạch, xử lý, bảo quản quả mãng cầu ta và sổ tay hướng dẫn chuyển giao đến các tổ hợp và Hợp tác xã có hộ sản xuất, kinh doanh mãng cầu trên địa bàn tỉnh.

+ Triển khai 3 lớp tập huấn (40 người/lớp) về các biện pháp xử lý mãng cầu ta và tồn trữ mãng cầu cho người sản xuất, HTX, THT, thương lái và người tiêu dùng tại xã Suối đá, huyện Dương Minh Châu.

d) Về thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã

Hợp tác xã thành lập mới được hỗ trợ tập huấn, tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và các quy định của Nhà nước về phát triển kinh tế hợp tác, tư vấn thành lập mới hợp tác xã bằng nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ. Nhìn chung, các hợp tác xã mới thành lập đều xuất phát từ nhu cầu thực tiễn về hợp tác trong sản xuất kinh doanh; tôn trọng các nguyên tắc của Luật Hợp tác xã, có vốn góp nên bước đầu hoạt động ổn định và có hiệu quả. Có 67 lượt HTX được hỗ trợ tổng số tiền 547 triệu đồng.

Tỉnh đã bố trí nguồn kinh phí 1.080.000.000 đồng dự kiến hỗ trợ xây dựng mô hình hợp tác xã trên 9 hợp tác tác xã giai đoạn 2016 – 2020, mỗi HTX là 120.000.000 đồng, giao Liên minh HTX tỉnh thực hiện trong năm 2018 xây dựng 04 HTX với kinh phí 510.000.000 đồng, năm 2019 tiếp tục triển khai xây dựng 03 HTX điển hình để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

Để triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hộ trợ, ưu đãi phát triển HTX theo Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020 tại Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025", tỉnh vận động, kết nối các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh hỗ trợ cho 666 phụ nữ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh với kinh phí 3,5 tỷ đồng.

3.2. Về hỗ trợ đối với các hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp

a) Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

UBND tỉnh quan tâm đầu tư hạ tầng chung như: giao thông, cấp điện...cho các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh phát triển, trong đó các tổ hợp tác và hợp tác xã.

+ Đã triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hoàn thiện hệ thống giao thông, thuỷ lợi, hệ thống điện... đảm bảo đáp ứng tốt các yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh cho các thành phần kinh tế trên địa bàn trong đó có khu vực kinh tế tập thể lĩnh vực nông nghiệp;

+ Rà soát và tổng hợp nhu cầu hỗ trợ cơ sở hạ tầng của các hợp tác xã nông nghiệp. Đến nay UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương trình HĐND tỉnh thông qua phương án phân bổ vốn dự phòng trung hạn giai đoạn 2016-2020 của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới, với kinh phí là 12,7 tỷ đồng thực hiện 04 dự án trên địa bàn huyện Dương Minh Châu và thành phố Tây Ninh tại Công văn số 911/UBND-KTTC ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh.

b) Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn, thiên tai, dịch bệnh

Từ khi Chính phủ ban hành Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thuỷ sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, hàng năm UBND tỉnh đều bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn, thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh là 5.000.000.000 đồng, tuy nhiên đến nay chỉ hỗ trợ 01 HTX (HTX Trà Vong, Tân Biên), với số tiền là 294,710 triệu đồng.

c) Hỗ trợ chế biến sản phẩm

Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm làm giảm tổn thất trong nông nghiệp, trong đối tượng của chính sách có HTX, tỉnh bố trí 4.704.000.000 đồng, hỗ trợ chế biến sản phẩm của các HTX, dự kiến hỗ trợ 24 HTX trong giai đoạn 2016 – 2020. Trong năm 2017, năm 2018 đã hỗ trợ cho 07 nông dân vay vốn mua các máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3.3. Về các chính sách khác

a) Về chính sách đất đai.

UBND tỉnh ban hành các quyết định cho Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã thuê đất để thực hiện 04 dự án đầu tư (xây dựng chợ, siêu thị) với tổng diện tích 2,40 ha.

b) Chính sách tiếp cận vốn

Hỗ trợ 13 dự án thuộc 09 hợp tác xã và 03 tổ hợp tác được giải ngân với số tiền vay là 11,45 tỷ đồng từ nguồn vốn Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã của tỉnh.

Hỗ trợ 07 dự án được hỗ trợ vay vốn với số tiền 970.000.000 đồng từ nguồn vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm thuộc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

c) Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện dưới nhiều hình thức:

- Hỗ trợ HTX DV NN Minh Thành, xã Bình Thạnh, huyện Trảng Bàng ký hợp đồng bao tiêu lúa với công ty Huỳnh Phương (135 ha);

- Hỗ trợ HTX giống cây trồng và DVNN Bàu Đồn, huyện Gò Dầu ký hợp đồng tiêu thụ nông sản với tập đoàn Lộc Trời (45 ha lúa) và công ty giống cây trồng Trung ương (40 ha bắp);

- Hỗ trợ các HTX dịch vụ tổng hợp liên kết với các công ty để thực hiện các dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp, tiêu thụ nông sản, cơ giới hoá và vận chuyển nông sản;

- Hỗ trợ các HTX DV thuỷ lợi liên kết với các xí nghiệp thuỷ lợi tại địa phương để quản lý, sử dụng có hiệu quả các tuyến kênh tưới tiêu;

- Hỗ trợ các HTX sản xuất nông nghiệp tổ chức sản xuất nông nghiệp và thực hiện các dịch vụ cơ giới hoá, cung ứng giống và vật tư nông nghiệp, tiêu thụ nông sản;

- Hỗ trợ các HTX chăn nuôi liên kết với các công ty để cung ứng thức ăn và tiêu thụ sản phẩm.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được:

Từ khi có quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 về chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020, hợp tác xã mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng bước đầu tạo được chuyển biến cả về chất lượng, hiệu quả, ngày càng khẳng định rõ nét hơn vai trò quan trọng và có ý nghĩa toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, đã có những tín hiệu mới trong công cuộc phát triển phong trào hợp tác xã toàn quốc. Ước tính đến 31/12/2019, toàn tỉnh có 125 hợp tác xã, 05 chi nhánh liên hiệp hợp tác xã với tổng vốn điều lệ là 223,1 tỷ đồng (tăng 27 hợp tác xã so với đầu năm 2015). Tổng tài sản của hợp tác xã ước đạt 7.159,6 tỷ, tổng số thành viên hợp tác xã, là 31.963 người; số lao động làm việc

trong khu vực hợp tác xã là 6.914 người, trong đó lao động là thành viên hợp tác xã là 4.609 người. Cụ thể từng lĩnh vực như sau:

+ Lĩnh vực nông nghiệp: 78 hợp tác xã (trong đó hợp tác xã làm dịch vụ Nông nghiệp: 60 hợp tác xã; sản xuất rau an toàn: 06 hợp tác xã; nuôi thủy sản: 01 hợp tác xã; 03 hợp tác xã Chăn nuôi; hợp tác xã dịch vụ thủy lợi: 8 hợp tác xã).

+ Lĩnh vực công, thương nghiệp: 18 hợp tác xã và 05 chi nhánh liên hiệp hợp tác xã (Thương mại 07 hợp tác xã, 05 chi nhánh liên hiệp hợp tác xã; Tiểu thủ công nghiệp 06 hợp tác xã, 03 hợp tác xã chợ và 02 hợp tác xã Vệ sinh Môi trường).

+ Lĩnh vực giao thông vận tải: 11 hợp tác xã.

+ Lĩnh vực tín dụng: 18 Quỹ Tín dụng nhân dân.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

Hệ thống quản lý Nhà nước còn bất cập, đây là khó khăn lớn nhất hiện nay của khu vực kinh tế tập thể. Nhiều chính sách lớn do Trung ương ban hành rất hợp lòng dân, nhưng khó thực hiện ở địa phương, hoặc chưa được các Bộ, ngành hướng dẫn triển khai thực hiện đầy đủ ở địa phương.

Nhân lực thực hiện công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã vừa yếu vừa thiếu, đa phần là cán bộ kiêm nhiệm nên khó khăn trong cụ thể hoá và triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương và công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các văn bản luật của các hợp tác xã còn hạn chế, chưa kịp thời xử lý khi có vi phạm xảy ra.

Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định 11 chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hợp tác xã. Song, thực tế những chính sách này đi vào cuộc sống không nhiều, chính sách hỗ trợ về kết cấu hạ tầng hầu như chưa thực hiện được; chính sách ưu đãi tín dụng, hỗ trợ chế biến sản phẩm,... hiệu quả chưa cao; số lượng hợp tác xã được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước còn hạn chế.

Công tác xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới, quy mô lớn, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản thông qua hợp đồng kinh tế chưa nhiều. Công tác triển khai phổ biến, nhân rộng mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả chưa cao.

Các hợp tác xã đa phần có vốn ít, trang thiết bị lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, chưa xây dựng được chuỗi liên kết. Khả năng huy động của các hộ thành viên rất hạn chế, khó vay vốn từ ngân hàng. Một số hợp tác xã chưa thể hiện được vai trò kết nối giữa các thành viên với thị trường, sự gắn kết lợi ích giữa

hợp tác xã và các thành viên mờ nhạt, chưa mang tinh thần hợp tác. Lợi ích kinh tế trực tiếp do hợp tác xã mang lại cho thành viên chưa nhiều. Việc liên kết, liên doanh giữa hợp tác xã với hợp tác xã, giữa hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác còn ít.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Bộ máy quản lý nhà nước về hợp tác xã chưa được kiện toàn theo yêu cầu, đội ngũ cán bộ tham mưu quản lý nhà nước về hợp tác xã thiếu thực tiễn, nên việc tham mưu thực hiện công tác quản lý hợp tác xã còn hạn chế.

Cấp uỷ có nơi thiếu quan tâm đúng mức, nhận thức chưa đầy đủ việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã của một bộ phận cán bộ các cấp và Nhân dân chưa đầy đủ, chưa hiểu đúng bản chất, vai trò của hợp tác xã kiểu mới.

Chưa đề ra các giải pháp khả thi căn cơ để duy trì, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, chưa tạo ra sức hấp dẫn, chưa xây dựng được tính vững chắc trong hành động và phát triển.

Công tác phối hợp giữa các ngành, đơn vị trong lĩnh vực này chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ.

Một số hợp tác xã hoạt động còn trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Trình độ nhận thức, năng lực và kinh nghiệm của hầu hết cán bộ quản lý hợp tác xã còn yếu, chưa được đào tạo bài bản; trong điều hành hoạt động, cán bộ quản lý hợp tác xã còn lúng túng, chậm thích ứng với cơ chế thị trường. Mặt khác, đa số hợp tác xã có năng lực tài chính thấp, thiếu vốn sản xuất kinh doanh nên việc thu hút, huy động các nguồn lực về con người và về vốn còn khó khăn.

Phần thứ hai

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC, KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

Sự phát triển của kinh tế thị trường thời gian qua đã hình thành các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh: Doanh nghiệp, Kinh tế tập thể (hợp tác xã và tổ hợp tác) và kinh tế cá thể hộ gia đình. Các Doanh nghiệp với tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu của các cổ đông và tạo ra sản phẩm cho xã hội có hiệu quả, hoạt động rất năng động để tồn tại và phát triển trong thị trường cạnh tranh, với mục tiêu thu được lợi nhuận cao nhất. Bên cạnh đó đang tồn tại số đông dân cư và người lao động sống chủ yếu bằng nghề nông ở trong khu vực nông thôn.

Đây là lực lượng đông đảo về số lượng, nhưng tiềm lực kinh tế, năng lực cạnh tranh thấp, dễ bị tổn thương trong nền kinh tế thị trường. Họ luôn bị cạnh tranh, chèn ép. Vì vậy, để có thể tồn tại và phát triển, họ phải tập hợp nhau lại trên các nguyên tắc tự nguyện, hợp tác để giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau trong sản xuất, lưu thông, đối phó lại với áp lực thị trường, bảo vệ lợi ích của chính mình. Trong thực tiễn đã có tổ hợp tác và hợp tác xã được hình thành và hoạt động rất đa dạng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đã khẳng định vai trò của kinh tế tập thể trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Trên cơ sở nhận thức đúng về vị trí, vai trò kinh tế tập thể, trong quan điểm chỉ đạo cần thống nhất *"Trình độ sản xuất tới đâu thì mô hình tổ chức sản xuất tương ứng tới đó"*, nhà nước chỉ tạo môi trường và hỗ trợ để tự thân các hợp tác xã, tổ hợp tác phát triển. Tiếp tục củng cố, đổi mới hợp tác xã cả về tổ chức, quản lý và hoạt động theo mô hình hợp tác xã kiểu mới, tạo ra động lực mới trong từng hợp tác xã. Hợp tác xã nông nghiệp không chỉ là tổ chức kinh tế hợp tác tự nguyện mà còn là đơn vị kinh tế hoạt động trong nền kinh tế thị trường. Đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã theo hướng chuyển mạnh hoạt động sang hạch toán kinh doanh với hai mục tiêu đem lại lợi ích cho thành viên (thúc đẩy kinh tế hộ phát triển) và không ngừng tích luỹ cho kinh tế tập thể.

II. QUAN ĐIỂM

Kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới là xu hướng lựa chọn phát triển, đặc biệt là đối với cư dân nông nghiệp, nông thôn; là phương thức để cư dân nông nghiệp, nông thôn thoát nghèo và vươn lên làm giàu. Việc đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, tăng cường đầu tư của nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho kinh tế tập thể, trong đó hợp tác xã nông nghiệp phải được xem là nòng cốt, trong đó chú trọng phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia; tạo điều kiện hình thành những tổ hợp nông - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

Phát triển kinh tế tập thể nòng cốt là hợp tác xã gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng phát triển cộng đồng, đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt là đối với nông nghiệp và nông thôn.

Phấn đấu đến năm 2020 khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã có vị trí và vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác mới thành lập trên địa bàn tỉnh; khuyến khích hợp tác xã ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng và phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng cao và sản phẩm từ nghề truyền thống qua mô hình hợp tác xã kiểu mới. Đồng thời tạo môi trường thuận lợi nhằm tác động trực tiếp vào sản xuất, kinh doanh của kinh tế thành viên; tăng cường tính tự chủ, khai thác tối đa tiềm lực, lợi thế sẵn có của các thành phần kinh tế tập thể, nâng cao vai trò của kinh tế tập thể trong sự phát triển chung của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; tăng cường năng lực cạnh tranh của kinh tế tập thể trong điều kiện kinh tế thị trường; góp phần ổn định kinh tế, chính trị, xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể tới năm 2025

Tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ cho khoảng 110 tổ hợp tác; 227 hợp tác xã; 02 liên hiệp hợp tác xã; trong đó, có khoảng 170 hợp tác xã nông nghiệp, 26 hợp tác xã công thương thương nghiệp,13 HTX giao thông và duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động 18 quỹ tín dụng nhân dân, 01 liên hiệp hợp tác xã thương mại, 01 liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp.

Tổng số thành viên HTX: 38.000 thành viên

Tổng số lao động làm việc trong HTX: 8.800 người

Doanh thu bình quân của HTX: 110 tỷ đồng/năm

Thu nhập bình quân của lao động trong HTX: 100 triệu đồng/năm

III. ĐỀ XUẤT CÁC NỘI DUNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Các đề xuất liên quan tới sửa đổi nội dung chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã hiện đang được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về hợp tác xã

- Ban cán sự đảng Chính phủ tăng cường tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; xây dựng các chính sách hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của pháp luật; ban hành quy định về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, để có đội ngũ cán bộ quản lý đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Hằng năm, bố trí khoản kinh phí nhất định nhằm thực hiện chính sách hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Các bộ, ngành Trung ương:

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: ban hành đồng bộ, đầy đủ các văn bản hướng dẫn chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với hợp tác xã, đặc biệt hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư: quy định cụ thể về trình tự thủ tục, thành phần hồ sơ, mức hỗ trợ, tiêu chí và điều kiện để được hưởng các chính sách quy định tại Điều 25 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, ngày 21/11/2013 của Chính phủ; hướng dẫn trình tự, thủ tục phân bổ kinh phí hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đặc biệt hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp.

+ Bộ Tài chính: hướng dẫn chính sách tiếp cận vốn và nội dung bảo lãnh tín dụng để tạo điều kiện cho các hợp tác xã nông nghiệp tiếp cận vay vốn đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đặc biệt hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp.

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường: hướng dẫn cụ thể thực hiện chính sách giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được nêu tại điểm b, khoản 3, Điều 6 Luật Hợp tác xã năm 2012; tại khoản 2, Điều 25 Nghị định 193/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hợp tác xã và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 107/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP.

+ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề... có chương trình giảng dạy về kinh tế tập thể, hợp tác xã; đào tạo cán bộ quản lý kinh tế tập thể, hợp tác xã.

+ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: nghiên cứu cơ chế, chính sách để khuyến khích các ngân hàng thương mại đẩy mạnh cho hợp tác xã vay vốn.

- Ban Kinh tế Trung ương: chỉ đạo, hướng dẫn đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã trong hệ thống chính trị cả nước.

2. Các đề xuất liên quan đến tổ chức triển khai thực hiện chính sách

Tổ chức tuyên truyền, học tập quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế hợp tác.

Thực hiện nghiên cứu, khảo sát, đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế hợp tác và đề xuất chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế hợp tác phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc thù sản xuất kinh doanh ở địa phương.

Hướng dẫn chuyển đổi và xây dựng các mô hình hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

Xây dựng và phát triển các mô hình liên kết gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản thông qua các hợp đồng kinh tế.

Đẩy mạnh hợp tác xuất khẩu, tăng cường phối hợp với các Bộ, Ngành Trung ương và địa phương trong xây dựng và phát triển kinh tế hợp tác.

Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý nhà nước và HTX, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý HTX, thành viên, người sáng lập khởi nghiệp HTX./.

Nơi nhận:
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐVP, KTTC (Trúc);
- Lưu: VT VP.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH .

Trần Văn Chiến



Phụ lục 1

DANH MỤC VĂN BẢN THỂ CHẾ HÓA QUYẾT ĐỊNH 2261/QĐ-TTg

(Kèm theo Báo cáo số 232 /BC-UBND ngày 03/7/2019 của UBND tỉnh)

STT	Cơ quan ban hành	Số/ ký hiệu văn bản	Trích yếu	Ngày ban hành
1	Thủ tướng Chính phủ	19/CT-TTg	Chỉ thị về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp tác xã	24/07/2015
2		352/QĐ-TTg	Quyết định về thành lập Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	22/03/2017
3		461/QĐ-TTg	Quyết định phê duyệt Đề án "Phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020"	27/04/2018
4	Liên minh HTX Việt Nam	704/Ctr-LMHTXVN	Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg và Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh thi hành Luật Hợp tác xã Hợp tác xã năm 2012, phát triển hợp tác xã	15/10/2015
5	Bộ Nông nghiệp và PTNT	6355/KH-BNN-KTHT	Kế hoạch về việc phát triển hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đến năm 2020	17/08/2018
6		6390/KH-BNN-KTHT	Kế hoạch về việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp với các doanh nghiệp đến năm 2020	17/08/2018
7		3594/QĐ-BNN-KTHT	Quyết định phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020	13/09/2018
8	Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh	26 /2017/NQ-HĐND	Nghị quyết về chính sách hỗ trợ lãi vay phát triển thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2021	27/09/2017
9		43/2017/NQ-NĐND	Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đào tạo của HTX trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020	08/12/2017
10	Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh	399/QĐ-UBND	Quyết định phê duyệt kế hoạch đổi mới phát triển các hình thực tổ chức kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016 – 2020	23/02/2016
11		187/KH-UBND	Kế hoạch về hỗ trợ phát triển hợp tác xã năm 2017 và giai đoạn 2017-2020	20/01/2017

STT	Cơ quan ban hành	Số/ ký hiệu văn bản	Trích yếu	Ngày ban hành
12	Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh	53/2017/QĐ-UBND	Quyết định về Ban hành Quy định "Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; phát triển thị trường công nghệ, tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020"	21/12/2017
13		700/QĐ-UBND	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Tây Ninh	22/03/2019
14		1033/QĐ-UBND	Quyết định về việc bổ sung Kế hoạch Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016-2020 kèm theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của UBND tỉnh	08/05/2019

PHỤ LỤC 2

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2015 - 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021- 2025

(Kèm theo Báo cáo số 232 /BC-UBND ngày 03/7/2019 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện						Kế hoạch				
			Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	ƯTH năm 2020	KH năm 2021	KH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2025
I	**Hợp tác xã**												
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%											
2	Tổng số hợp tác xã	HTX	98	91	108	115	155	195	201	208	215	221	227
	Trong đó:												
	Số HTX đang hoạt động	HTX											
	Số HTX ngưng hoạt động	HTX											
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	11	7	23	16	10	40	10	10	10	10	10
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	7	14	7	11	0	0	2	5	5	5	5
3	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	45.126	42.370	33.164	31.563	32.000	33.000	34.000	35.000	36.000	37.000	38.000
	Trong đó:				-								
	Số thành viên mới	Thành viên	2.643	1.630	1.268	269	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
	Số thành viên là cá nhân ra khỏi HTX	Thành viên											
4	Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Thành viên	3.660	4.862	5.720	6.914	7.320	7.540	7.680	8.000	8.250	8.500	8.800
	Trong đó:												
	Số lao động thường xuyên mới	Người	878	1.890	1.645	1.272	1.890	220	140	320	250	250	300
	Số lao động là thành viên hợp tác xã	Người	1.046	3.241	2.034	4.609	3.246	3.815	4.610	5.500	6.500	7.500	8.500
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Triệu đồng/năm	43.514	48.470	61.235	67.540	70.500	81.200	85.420	90.000	95.000	100.000	110.000
	Trong đó:												
	Doanh thu của các hợp tác xã với thành viên	Triệu đồng/năm	169.820	181.723	196.845	218.700	240.000	265.000	290.000	320.000	350.000	385.000	425.000
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Triệu đồng/năm	550	647	760	783	820	860	900	1.000	1.100	1.200	1.300
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Triệu đồng/năm	41,3	48,6	55,2	63,3	66	72	78	80	85	92	100
8	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	536	522	547	586	604	626	640	660	680	700	720
	Trong đó:												
	Số cán bộ quản lý hợp tác xã đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	114	120	138	154	170	186	204	240	270	300	320

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện						Kế hoạch				
			Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	ƯTH năm 2020	KH năm 2021	KH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2025
	Số cán bộ quản lý hợp tác xã đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	114	116	132	138	116	132	138	345	360	380	400
II	**LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**												
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX						1	1	1	1	2	2
	Trong đó:												
	Số liên hiệp hợp tác xã thành lập mới	LH HTX						1	1	1	1	2	2
	Số liên hiệp hợp tác xã giải thể	LH HTX											
	Số liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả	LH HTX											
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX											
3	Tổng số lao động trong liên hiệp hợp tác xã	Người											
4	Tổng vốn hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	Triệu đồng											
5	Tổng giá trị tài sản liên hiệp hợp tác xã	Triệu đồng											
6	Doanh thu bình quân một liên hiệp hợp tác xã	Triệu đồng/năm											
7	Lãi bình quân một liên hiệp hợp tác xã	Triệu đồng/năm											
III	**Tổ hợp tác**												
1	Tổng số tổ hợp tác		83	197	134	104	114	120	124	130	135	140	145
	Trong đó:	THT											
	Số tổ hợp tác thành lập mới								4	6	5	5	5
	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn		83	105	108	108	109	109	109	110	110	110	110
2	Tổng só thành viên tổ hợp tác	Thành viên	642	483	512	520	520	550	570	600	650	700	800
	Trong đó:		440	464	185	505	520	550	570	600	650	700	800
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên	12	24	20	15	15	30	20	30	50	50	100
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/ năm	286	320	340	350	370	400	450	500	550	600	700
4	lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/ năm	22	24	28	30	34	37	40	42	45	50	60

Phụ lục 3

SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀNĂM 2015-2020 VÀ KẾ HOẠCH 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 282 /BC-UBND ngày 03 /7/2019 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện						Kế hoạch				
			Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	ƯTH năm 2020	KH năm 2021	KH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2025
I	**HỢP TÁC XÃ**												
	Tổng số hợp tác xã	HTX	91	91	96	115	155	195	201	208	215	221	227
	Chia ra:												
	Hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	HTX	49	48	52	71	108	146	150	155	160	165	170
	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX	10	10	3	6	6	6	6	7	7	7	7
	Hợp tác xã xây dựng	HTX											
	Hợp tác xã tín dụng	HTX	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18
	Hợp tác xã thương mại	HTX	3	3	10	8	10	10	12	13	14	15	16
	Hợp tác xã vận tải	HTX	10	11	11	10	11	12	12	12	13	13	13
	Hợp tác xã môi trường	HTX	1	1	2	2	2	3	3	3	3	3	3
	Hợp tác xã khác	HTX											
II	**LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**												
	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	LHHTX						1	1	1	1	2	2
	Chia ra:												
	Liên hiệp hợp tác xã nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	LHHTX						1	1	1	1	1	1
	Liên hiệp hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LHHTX											
	Liên hiệp hợp tác xã xây dựng	LHHTX											
	Liên hiệp hợp tác xã tín dụng	LHHTX											
	Liên hiệp hợp tác xã thương mại	LHHTX										1	1
	Liên hiệp hợp tác xã vận tải	LHHTX											
	Liên hiệp hợp tác xã môi trường	LHHTX											
	Liên hiệp hợp tác xã nhà ở	LHHTX											
	Liên hiệp hợp tác xã khác	LHHTX											
III	**TỔ HỢP TÁC**												

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện						Kế hoạch				
			Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	ƯTH năm 2020	KH năm 2021	KH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2024	KH năm 2025
	Tổng số Tổ hợp tác	THT		197	134	104	114	120	124	130	135	140	145
	Chia ra:												
	Tổ hợp tác nông - lâm - ngư - diêm nghiệp	THT			79	88	96	100	**105**	110	115	120	125
	Tổ hợp tác công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT		197	55	16	18	20	19	20	20	20	20
	Tổ hợp tác xây dựng	THT											
	Tổ hợp tác thương mại	THT											
	Tổ hợp tác vận tải	THT											
	Tổ hợp tác môi trường	THT											
	Tổ hợp tác nhà ở	THT											
	Tổ hợp tác khác	THT											

Phụ lục 4

TÌNH HÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2015-2020

(Kèm theo Báo cáo số 232 /BC-UBND ngày 03/7/2019 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Ước thực hiện năm 2020		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác
I	**HỖ TRỢ CHUNG ĐỐI VỚI CÁC HTX**																			
1	**Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thí điểm đưa cán bộ trẻ, tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX**																			
	-Số người được cử đi đào tạo	Người	64			15			125			45			20			20		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	385		385	140			579			303			180			180		
	Trong đó:																			
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng	385		385	140			579			303			180			180		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng							2.532											
	-Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	4.936			3.560						2.654			2.100			2.100		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	751		751	479			316			437			694			694		
	Trong đó:																			
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng	751		751	479			316			437			694			694		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng																		
	-Thí điểm đưa cán bộ trẻ, tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX	Người													11			11		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng													904			904		
	Trong đó:																			
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng													904			904		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng																		
2	**Hỗ trợ về xúc tiến thương mại mở rộng thị trường**																			
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	20			15			10			10			10			10		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	150		150	150			150			100			100			100		
	Trong đó:																			
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng																		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Ước thực hiện năm 2020		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng	150		150	150			150			100			100			100		
3	**Hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ mới**																			
	Số HTX được hỗ trợ	HTX										1			1					
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng										150			150					
	Trong đó:																			
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng																		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng										150			150					
4	**Hỗ trợ tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX**																			
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	1			3			2			6			5			4		
	Tổng số vốn được vay	Tr.đồng	1.000		1.000	2.750			2.000			3.500			3.000			2.500		
5	**Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế xã hội**																			
	Số HTX được hỗ trợ	HTX																		
6	**Hỗ trợ thành lập mới**																			
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	3			10			19			15			10			10		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng	14		14	68			140			85			120			120		
	Trong đó:																			
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng	14		14	68			140			85			120			120		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng																		
II	**HỖ TRỢ RIÊNG ĐỐI VỚI CÁC HTX NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP**																			
1	**Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng**																			
	-Số HTX được hỗ trợ	HTX				1									2			20		
	-Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng				2.000									200			2.000		
	Trong đó:																			
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng													135			1.400		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng													65			600		
2	**Hỗ trợ giao đất, thuê đất**																			
	Số HTX được hỗ trợ giao đất	HTX				4									2			10		
	Tổng diện tích đất được giao	m2				4.000									20.000			100.000		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Ước thực hiện năm 2020		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTMTQG XD NTM	Nguồn vốn khác
	Số HTX được hỗ trợ cho thuê đất	HTX	1						3						12			15		
	Tổng diện tích đất được cho thuê	m2	170						30.200						120.000			150.000		
3	**Ưu đãi về tín dụng**																			
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	2			2			1			3			40			50		
	Tổng số vốn được vay ưu đãi	Tr.đồng	200		200	280		280	100		100	400		400	4.000			5.000		
4	**Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn thiên tai dịch bệnh**																			
	Số HTX được hỗ trợ	HTX																		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng													10			10		
	Trong đó:														1.000			1.000		
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng																		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng																		
5	**Hỗ trợ về chế biến sản phẩm**																			
	Số HTX được hỗ trợ	HTX																		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng													10			15		
	Trong đó:														2.000			3.000		
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng																		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng													2.000			3.000		
5	**Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX điển hình**																			
	Số HTX được hỗ trợ	HTX																		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr.đồng										4			3			4		
	Trong đó:											510	510		450	450		510	510	
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr.đồng																		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr.đồng																		

Phụ lục 5

KẾ HOẠCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số 232 /BC-UBND ngày 03/7/2019 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				CTM TQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTM TQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTM TQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTM TQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTM TQG XD NTM	Nguồn vốn khác
I	HỖ TRỢ CHUNG ĐỐI VỚI CÁC HTX																
1	**Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thí điểm đưa cán bộ trẻ, tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX**																
	Số người được cử đi đào tạo	Người	30			30			30			30			30		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	180			180			180			180			180		
	Trong đó:																
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr đồng	180			180			180			180			180		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr đồng															
	Số người được tham gia bồi dưỡng	Người	1.500			1.500			1.500			1.500			1.500		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	75			75			75			75			75		
	Trong đó:																
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr đồng	550			550			550			550			550		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr đồng	200			200			200			200			200		
	thí điểm đưa cán bộ trẻ, tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX		30			30			30			30			30		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	1.500			1.500			1.500			1.500			1.500		
	Trong đó:																
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr đồng	1.000			1.000			1.000			1.000			1.000		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr đồng	500			500			500			500			500		
2	**Hỗ trợ về xúc tiến thương mại mở rộng thị trường**																
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	50			50			50			50			50		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	270			270			270			270			270		
	Trong đó:																
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr đồng															
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr đồng	270			270			270			270			270		
3	**Hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ mới**																
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	10			10			10			10			10		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	1.000			1.000			1.000			1.000			1.000		
	Trong đó:																
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr đồng	750			750			750			750			750		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr đồng	250			250			250			250			250		
4	**Hỗ trợ tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX**																
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	20			20			20			20			20		
	Tổng số vốn được vay	Tr đồng	12.000			12.000			12.000			12.000			12.000		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				CTM TQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTM TQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTM TQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTM TQG XD NTM	Nguồn vốn khác		CTM TQG XD NTM	Nguồn vốn khác
5	**Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế xã hội**																
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	10			10			10			10			10		
6	**Hỗ trợ thành lập mới**																
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	10			10			10			10			10		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	300			300			300			300			300		
	Trong đó:																
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr đồng	300			300			300			300			300		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr đồng															
II	**HỖ TRỢ RIÊNG ĐỐI VỚI CÁC HTX NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP**																
1	**Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng**																
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	10			10			10			10			10		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	1.000			1.000			1.000			1.000			1.000		
	Trong đó:																
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr đồng	666			666			666			666			666		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr đồng	334			334			334			334			334		
2	**Hỗ trợ giao đất, thuê đất**																
	Số HTX được hỗ trợ giao đất	HTX	8			8			8			8			8		
	Tổng diện tích đất được giao	m2	80.000			80.000			80.000			80.000			80.000		
	Số HTX được hỗ trợ cho thuê đất	HTX	12			12			12			12			12		
	Tổng diện tích đất được cho thuê	m2	120.000			120.000			120.000			120.000			120.000		
3	**Ưu đãi về tín dụng**																
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	40			40			40			40			40		
	Tổng số vốn được vay ưu đãi	Tr đồng	4.000			4.000			4.000			4.000			4.000		
4	**Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn thiên tai dịch bệnh**																
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	10			10			10			10			10		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	1.000			1.000			1.000			1.000			1.000		
	Trong đó:																
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr đồng	1.000			1.000			1.000			1.000			1.000		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr đồng															
5	**Hỗ trợ về chế biến sản phẩm**																
	Số HTX được hỗ trợ	HTX	10			10			10			10			10		
	Tổng kinh phí hỗ trợ	Tr đồng	2.000			2.000			2.000			2.000			2.000		
	Trong đó:																
	Nguồn vốn từ trung ương	Tr đồng	2.000			2.000			2.000			2.000			2.000		
	Nguồn vốn từ địa phương	Tr đồng															